

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 134/2001/QĐ-TTg ngày 10/9/2001
phê duyệt Quy hoạch tổng thể
phát triển ngành Thép đến năm
2010.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ Công nghiệp (các Công văn số 4694/CV-KHĐT ngày 11 tháng 12 năm 2000, số 2196/CV-KHĐT ngày 01 tháng 6 năm 2001) và Báo cáo thẩm định của Hội đồng Thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư (Công văn số 07/TĐNN ngày 06 tháng 4 năm 2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thép đến năm 2010 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu phát triển ngành Thép đến năm 2010:

Phát triển ngành Thép trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nền kinh tế; thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước, tiến tới xuất khẩu; đẩy mạnh sản xuất, tạo nhiều việc làm, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

dất nước; nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc kinh tế khu vực và thế giới.

b) Tốc độ tăng trưởng bình quân 10 năm (về công suất):

- Sản xuất thép thô (phôi thép): Tăng bình quân 15%/năm.

- Sản xuất thép cán: Tăng bình quân 10%/năm.

2. Định hướng phát triển:

a) Về cơ cấu đầu tư:

Phát triển cân đối giữa hạ nguồn (cán, kéo, gia công sau cán) và thượng nguồn (khai thác quặng sắt, sản xuất phôi), từng bước tự đáp ứng về cơ bản phôi thép cho sản xuất cán, kéo. Kết hợp đa dạng hóa chủng loại, quy cách sản phẩm để phù hợp với nhu cầu thị trường với việc phát triển có chọn lọc, hợp lý một số sản phẩm thép chất lượng cao cho chế tạo cơ khí, đóng tàu, sản xuất ô tô và thép đặc biệt cho công nghiệp quốc phòng. Phát triển sản xuất thép và khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên trong nước (trước hết là quặng sắt) phải bảo đảm hợp lý, có hiệu quả.

b) Về công nghệ:

Sử dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa ở mức cao, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, điện năng, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường; để sản xuất được thép chất lượng cao, giá thành hạ, tăng năng suất lao động, đủ sức cạnh tranh với thép trong khu vực và quốc tế. Công nghệ lựa chọn đảm bảo bền lâu, linh hoạt (dễ nâng cấp, hiện đại hóa khi cần thiết); thay thế công nghệ lạc hậu, kém hiệu quả và tác động xấu đến môi trường.

c) Huy động các nguồn vốn đầu tư:

Huy động mọi nguồn vốn, mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển ngành, tranh thủ đầu tư nước ngoài một cách hợp lý (trước hết là

công nghệ, thiết bị); đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp trong nước tham gia sản xuất thép.

d) Về phát triển nguồn nguyên liệu:

Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 tập trung nghiên cứu để có kết luận chắc chắn và khoa học về trữ lượng thương mại, khả năng khai thác và sử dụng các nguồn quặng sắt trong nước, trọng tâm là hai mỏ quặng sắt Quý Xa và Thạch Khê. Khai thác tối đa các mỏ quặng sắt nhỏ khác để sản xuất gang, tận thu nguồn thép phế liệu trong nước, đồng thời tìm nguồn nhập khẩu thép phế liệu ổn định để sản xuất phôi thép bằng lò điện đạt hiệu quả.

đ) Về thị trường:

Ngành Thép làm chủ thị trường trong nước về chủng loại, chất lượng, quy cách các loại thép thông dụng, giá cả và tìm được thị trường xuất khẩu; từng bước đáp ứng dần nhu cầu về thép tấm, thép lá và thép đặc biệt phục vụ cơ khí chế tạo. Phấn đấu đến năm 2010 sản xuất thép trong nước đáp ứng được 75% - 80% nhu cầu tiêu dùng thép trong nước, trong đó riêng Tổng công ty Thép Việt Nam (kể cả phần trong các liên doanh) chiếm tỷ trọng trên 50% về thép xây dựng và khoảng 70% về thép tấm, thép lá.

e) Về phát triển nguồn nhân lực:

Chú trọng công tác đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ kỹ sư luyện kim, cán bộ quản lý ngành, công nhân kỹ thuật lành nghề; đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành Thép.

g) Các dự án đầu tư giai đoạn 2001 - 2010:

Các dự án đầu tư giai đoạn 2001 - 2005 đưa vào kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 (Phụ lục I). Các dự án đầu tư sau năm 2005 là định hướng (Phụ lục II).

3. Các chỉ tiêu của quy hoạch:

a) Các chỉ tiêu về công suất thiết kế các nhà máy thép (sản xuất phôi thép, cán thép và gia công sau cán):

	Đến năm 2005	Đến năm 2010*
- Sản xuất phôi thép	1,5 triệu tấn/năm	1,8 - 2,0 triệu tấn/năm
- Cán thép	4,2 triệu tấn/năm	6,5 triệu tấn/năm
- Gia công sau cán	1,0 triệu tấn/năm	1,6 triệu tấn/năm

b) Các chỉ tiêu sản lượng:

	Đến năm 2005	Đến năm 2010
- Phôi thép (thép thô)	1,2 - 1,4 triệu tấn/năm	1,8 triệu tấn/năm
- Thép cán các loại	2,5 - 3,0 triệu tấn/năm	4,5 - 5,0 triệu tấn/năm
- Sản phẩm gia công sau cán	0,6 triệu tấn/năm	1,2 - 1,5 triệu tấn/năm

c) Nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư phát triển ngành Thép trong 10 năm ước tính khoảng 60.000 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2001 - 2005 khoảng 16.000 tỷ đồng
- Giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 44.000 tỷ đồng*

Điều 2. Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Quy hoạch phát triển ngành Thép đến năm 2010:

1. Nhà nước hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách, vốn ODA để xây dựng Quy hoạch phát triển ngành; các dự án trọng điểm, phát triển vùng nguyên liệu quặng sắt, chất trợ dung; đầu tư các công trình hạ tầng đối với các khu khai thác nguyên liệu; các nhà máy luyện kim mới quy mô lớn; các dự án xử lý môi trường; đầu tư cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, công nghệ của các viện, trường trong ngành.

2. Cho phép các dự án phát triển thượng nguồn (khai thác quặng sắt, sản xuất phôi thép) được:

a) Vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà

nước theo mức lãi suất ưu đãi (3%/năm) như quy định tại Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ. Thời gian vay vốn 12 năm, có 3 năm ân hạn.

b) Là lĩnh vực ưu đãi đầu tư và được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

3. Đối với các dự án có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, Chính phủ sẽ xem xét bảo lãnh khi mua thiết bị trả chậm, vay thương mại của các nhà cung cấp hoặc tổ chức tài chính trong và ngoài nước.

4. Cho phép các doanh nghiệp nhà nước hiện nay đang sản xuất phôi thép được cấp lại tiền thu sử dụng vốn trong thời gian 5 năm (2001 - 2005), coi đây là khoản ngân sách nhà nước cấp cho doanh nghiệp để nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật và bổ sung vốn lưu động.

5. Chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm thép vào các thị trường có tiềm năng, đặc biệt là các nước láng giềng và khu vực. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu trong năm 2001, trình Thủ tướng Chính phủ chính sách hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm thép xây dựng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Công nghiệp có trách nhiệm chỉ đạo Tổng công ty Thép Việt Nam:

- Xác định thứ tự ưu tiên, quy mô, địa điểm từng công trình đầu tư mới; đầu tư chiều sâu, mở rộng các cơ sở hiện có; đầu tư phát triển vùng nguyên liệu khoáng trong từng giai đoạn; hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ dự án.

- Cập nhật kịp thời và thời sự hóa Quy hoạch phát triển ngành Thép đến năm 2010, khi có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Tổ chức hệ thống thông tin để giúp các doanh nghiệp nắm bắt nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công nghiệp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quỹ Hỗ trợ phát triển căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tìm nguồn vốn trong và ngoài nước, kể cả vốn vay ưu đãi ODA và FDI, bố trí nguồn vốn và cho vay vốn theo kế hoạch hàng năm, đáp ứng nhu cầu đầu tư ngành Thép.

3. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng cơ chế, chính sách tài chính, chính sách huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển ngành Thép; quản lý thống nhất về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm; chống gian lận thương mại.

Điều 4. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của mình, trong đó cần chú ý đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa Quy hoạch phát triển ngành Thép với quy hoạch phát triển của các Bộ, ngành và các địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

LawSoft
01559219
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

(ban hành kèm theo Quyết định số 134/2001/QĐ-TTg
ngày 10/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

Số thứ tự	Tên dự án và công trình	Hình thức đầu tư	Công suất thiết kế (1000 tấn/năm)	Sản phẩm	Tiến độ và địa điểm	Ghi chú
1	Các dự án đầu tư chiều sâu Công ty Thép miền Nam, Công ty Thép Đà Nẵng và cải tạo kỹ thuật Công ty Gang thép Thái Nguyên	Tự đầu tư	Phôi 500 cán 700	Sản phẩm dài	2000 - 2002 tại các cơ sở hiện có của Tổng công ty Thép Việt Nam	Chuyển tiếp và khởi công mới
2	Nhà máy thép cán nguội-Phú Mỹ	Tự đầu tư	205	Băng cuộn cán nguội	2000 - 2004 Bà Rịa - Vũng Tàu	Đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi
3	Nhà máy thép Phú Mỹ	Tự đầu tư	Phôi 500 cán 300	Phôi thép và sản phẩm dài	2001 - 2005 Bà Rịa - Vũng Tàu	Đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu tiến khả thi
4	Nhà máy thép miền Bắc	Tự đầu tư hoặc liên doanh	Phôi 500 cán 300	Phôi thép và sản phẩm dài	2002 - 2005 Quảng Ninh hoặc Hải Phòng	Đang lập báo cáo nghiên cứu tiến khả thi
5	Nhà máy cán tấm nóng	Tự đầu tư hoặc liên doanh	1000	Tấm và băng cuộn cán nóng	2003 - 2007	Gửi đầu sang 5 năm sau
6	Giang thép Thái Nguyên giai đoạn 2	Tự đầu tư	300	Sản phẩm dài	Từ 2002 Thái Nguyên	Làm cán trước, nghiên cứu kỹ khâu luyện
7	Các mỏ nguyên liệu Quý Xa, Thạch Khê và nhà máy thép liên hợp	Làm công tác chuẩn bị đầu tư		Quặng sắt cho phát triển thương nguồn	2002 - 2005	Nghiên cứu và lập báo cáo nghiên cứu khả thi, có thể khai thác Quý Xa trước
8	Các dự án cán thép ngoài quốc doanh	Tư nhân	Khoảng 1000	Sản phẩm dài		Đã có đề án hoặc đang xây dựng

Phụ lục II

ĐỊNH HƯỚNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

(ban hành kèm theo Quyết định số 134/2001/QĐ-TTg ngày 10/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

Số thự tự	Tên dự án	Hình thức đầu tư	Công suất thiết kế (1.000 tấn/năm)	Sản phẩm	Tiến độ và địa điểm	Ghi chú
1	Nhà máy thép liên hợp 4.5 triệu tấn/năm					
1.1	Bước 1: cán nóng và cán nguội	Tự đầu tư hoặc liên doanh	Cán nóng 1.500 Cán nguội 600	Tấm băng cán nóng và cán nguội	2007 - 2010 miền Trung	Đã lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
1.2	Bước 2: lò cao, lò thép, đúc liên tục đầu tiên	Tự đầu tư	2.500	Phôi dẹt	2008 - 2012 miền Trung	Chuyển tiếp sau 2010
2	Mỏ Thạch Khê	Tự đầu tư hoặc liên doanh	10.000	Quặng sắt	2007 - 2011 Hà Tĩnh	Chuyển tiếp sau 2010
3	Nhà máy thép đặc biệt	Tự đầu tư	100	Thép đặc biệt cho cơ khí	2006 - 2008 phía Bắc	Đã lập báo cáo nghiên cứu khả thi
4	Nhà máy phôi thép VinaKyocci	Liên doanh	500	Phôi thép	2006 - 2008 Bà Rịa - Vũng Tàu	Đã lập báo cáo nghiên cứu khả thi
5	Nhà máy sắt xộp dùng khí thiên nhiên	Liên doanh hoặc tự đầu tư	1.400	Sắt xộp làm nguyên liệu cho luyện thép	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tiếp tục nghiên cứu khả năng đầu tư khi có điều kiện

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1217/QĐ-TTg ngày 10/9/2001 về việc phê duyệt danh sách các thành viên Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.

việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 92/2001/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về

Điều 1. Phê duyệt danh sách các thành viên Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, gồm:

1. Chủ tịch Ủy ban: Bà Hà Thị Khiết, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.